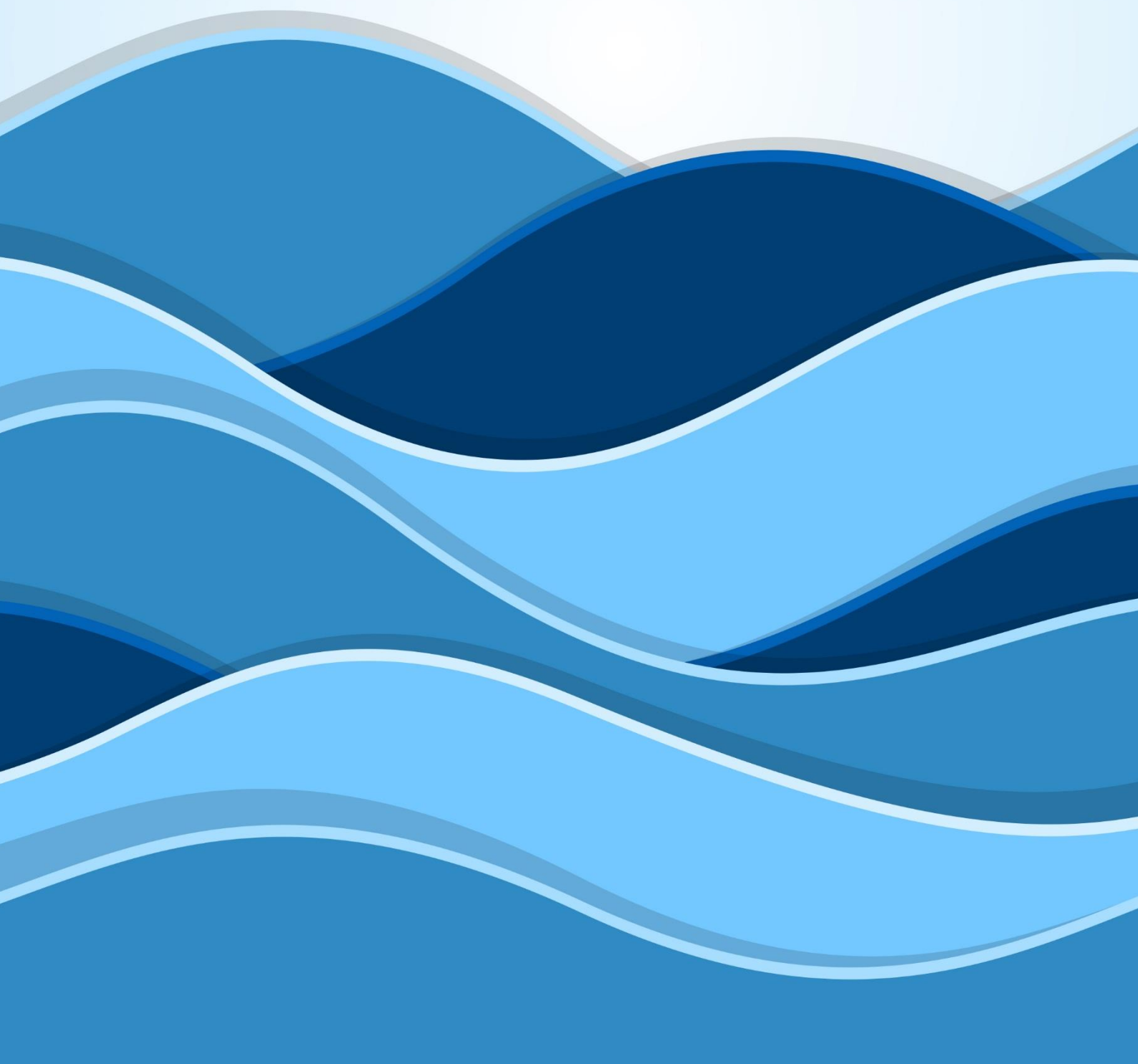


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch



MỤC LỤC



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và cơ cấu tổ chức
5. Công ty con, Công ty liên kết
6. Định hướng phát triển
7. Các rủi ro



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình đầu tư
3. Tình hình tài chính



III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá tình hình hoạt động trong năm 2014
2. Tình hình tài chính
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Ban Giám đốc
4. Thay đổi trong HĐQT, BKS và BGĐ
5. Tình hình nhân sự

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cổ phần, cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị
3. Hoạt động của Ban Kiểm soát
4. Các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGĐ
5. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN CHUNG



- ☞ Thông tin khái quát
- ☞ Quá trình hình thành và phát triển
- ☞ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ☞ Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và cơ cấu tổ chức
- ☞ Công ty con, Công ty liên kết
- ☞ Định hướng phát triển
- ☞ Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Tên tiếng Anh NHON TRACH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt NTW

Logo



Giấy chứng nhận ĐKKD số 3600977120 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27 tháng 5 năm 2013
Vốn điều lệ 50.000.000.000 VND
 Năm mươi tỷ đồng Việt Nam
Địa chỉ KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại (84-61) 3 560 574
Số fax (84-61) 3 560 031
Website www.ntw.com.vn
Email nhotrawa@yahoo.com.vn
Mã cổ phiếu NTW



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2013: Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 ngày 27/05/2013, ghi nhận vốn điều lệ tăng lên 50 tỷ đồng.



2012: Cổ phiếu Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM với vốn điều lệ là 50.000.000.000 VNĐ.

2008: 24/01/2008 Đại hội đồng cổ đông thông qua điều lệ tổ chức hoạt động cho Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch. Ngày 14/02/2008 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498.



2007: Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch theo Quyết định số 3059/QĐ – UBNN ngày 24/09/2007 của UBNN tỉnh Đồng Nai về việc “phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch thành Công ty Cổ phần.

2004: UBNN tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập số 36/QĐ.CT.UBT



1997: Tiền thân là xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được thành lập theo quyết định số 03/XD.QĐ ngày 08/04/1997 của Sở Xây dựng Đồng Nai.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt

Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp.

Phân phối nước sạch



Xây dựng công trình công ích

Xây dựng công trình đường ống cấp
thoát nước

Xây dựng trạm bơm



Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí

Lắp đặt ống cấp, thoát nước, bơm nước



Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan

Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình

Xây dựng, hoàn thiện công trình cấp nước



Địa bàn kinh doanh

Huyện Nhon Trạch và huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Trong tương lai, định hướng Công ty sẽ phát triển sang các tỉnh lân cận.

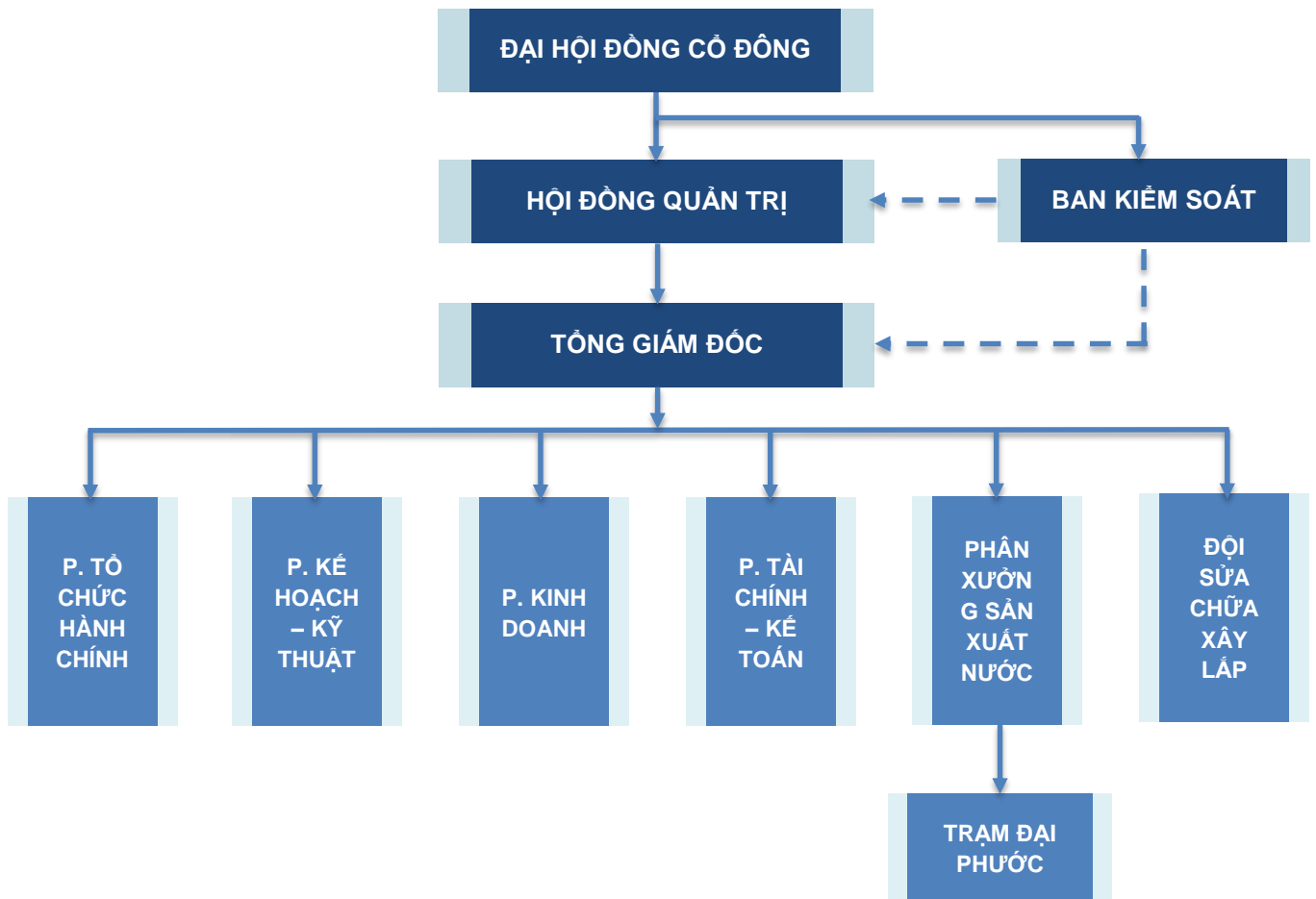


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý điều hành



---> Kiểm soát hoạt động

—> Điều hành trực tiếp

Công ty con, công ty liên kết

Không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực cấp nước hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đặt các mục tiêu phát triển chủ yếu sau:

- Đảm bảo cung cấp nước ổn định cho địa bàn hoạt động
- Duy trì chất lượng nước cung cấp đúng tiêu chuẩn của Bộ Y tế đặt ra.
- Tối đa hóa lợi ích kinh tế của Cổ đông đi đôi với phát triển bền vững.
- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển mạnh mẽ.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Kiểm soát giá vốn hàng bán. Do đặc thù là ngành cung cấp nước, công ty cần kiểm soát chi phí chủ yếu là điện năng, nguồn nước và các loại hóa chất chuyên xử lý nước để cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh.
- Công ty chú trọng đảm bảo uy tín và chất lượng dịch vụ cho các khách hàng hiện tại. Bên cạnh đó, công ty cũng không ngừng quan tâm, khai thác các khách hàng tiềm năng, mở rộng địa bàn phục vụ.
- Chủ trương trau dồi kiến thức và kinh nghiệm cho Ban điều hành cũng như đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty, luôn thực hiện tốt công tác quản trị cũng như sản xuất kinh doanh đưa công ty trở thành một thương hiệu uy tín trong khu vực.

Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội của Công ty

Với hoạt động chính là sản xuất và phân phối nước sạch, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, Công ty luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.

Đối với môi trường

Trong quá trình sản xuất, Công ty luôn chú trọng chất lượng nước, đảm bảo được các chỉ tiêu Lý - Hóa và vi sinh theo quy định của Bộ Y Tế. Đồng thời, Công ty cũng có biện pháp xử lý các tác nhân gây ô nhiễm phát sinh từ các hoạt động sản xuất, thi công.

Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên rà soát mạng lưới cấp nước, các trạm bơm và trạm biến áp, đảm bảo chất lượng nguồn nước an toàn và đồng nhất cho mọi khách hàng.

Đối với xã hội, cộng đồng

- Đảm bảo nguồn nước liên tục, ổn định cho tất cả người dân, tổ chức trong địa bàn hoạt động của công ty.
- Đảm bảo chất lượng nước luôn đạt chuẩn, an toàn cho người sử dụng.
- Quan tâm và chia sẻ đến những trường hợp khó khăn trong địa bàn Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần đến sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của mình

Toàn thể cán bộ, công nhân viên và ban lãnh đạo của Công ty rất vui vì đã cùng chung tay chia sẻ khó khăn của cộng đồng và cùng đóng góp để tạo dựng một môi trường phát triển bền vững. Với mục tiêu như đã đề cập, Công ty sẽ tiếp tục duy trì những hoạt động xây dựng cộng đồng thiết thực trong tương lai.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2007 kinh tế Thế giới bắt đầu rơi vào những ngày tháng khó khăn do ảnh hưởng từ khủng hoảng tài chính có quy mô tác động trên toàn cầu. Trong khoảng gần 10 năm sau, những biến động tiêu cực liên tiếp xảy ra, cho đến nay, sự hồi phục chưa có dấu hiệu rõ nét và nước ta vẫn đang nỗ lực để thúc đẩy kinh tế phát triển. Với tình hình chung này, hoạt động của hầu hết các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng và Công ty cũng không phải là một ngoại lệ. Tuy nhiên, với đặc thù lĩnh vực của Công ty là khai thác và phân phối nước sạch, là yếu tố không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt và sản xuất do đó sự ảnh hưởng cũng không đáng kể. Nhưng không vì vậy mà doanh nghiệp lấy làm chủ quan với tình hình chung, Ban Lãnh đạo Công ty luôn cập nhật và theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, nhằm đảm bảo nhận diện và ứng phó kịp thời với các rủi ro do tác động từ nền kinh tế.

Rủi ro pháp luật

Trong những năm gần đây, nước ta đã có nhiều sự thay đổi về Pháp luật. Sự tác động của việc sử đổi quy định có mức độ ảnh hưởng rộng lớn đến nhiều doanh nghiệp liên quan do đó, rủi ro pháp luật có thể xem là rủi ro hệ thống.

Hiện nay sau 10 năm ban hành, Luật doanh nghiệp 2005 đã được thay thế bằng Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 với nhiều điểm thay đổi đáng kể. Tuy nhiên, do các quy định khác như kế toán, thuế, chứng khoán,... chưa đồng bộ nên việc thực thi còn là vấn đề cần nhiều thảo luận. Để đáp ứng được những yêu cầu cấp thiết, Công ty sẽ xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi một số điểm quy định trong điều lệ Công ty để phù hợp với Luật pháp hiện hành. Ngoài ra, với ngành sản xuất và kinh doanh nước sạch, các văn bản luật có liên quan đến quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước, giá bán nước sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro nguyên vật liệu, giá cả và các yếu tố đầu vào

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu hiện nay là nước, được Công ty khai thác từ mạch nước ngầm duy trì ổn định qua các năm. Trong thời gian tới, Công ty tiếp nhận nước nguyên liệu từ Tổng Công ty Đồng Nai kết hợp với khai thác từ giếng ngầm của Công ty. Nhìn chung, nguồn cung cấp nước của Công ty là ổn định.

Ngoài ra, các nguyên phụ liệu để xử lý nước bao gồm Clo (Cl₂) và Natri Hydroxyt (NaOH) được Công ty mua những nhà cung cấp uy tín và có mối quan hệ lâu dài với Công ty, do đó nguồn cung là khá ổn định và rủi ro không đáng kể.



Rủi ro mạng lưới phân phối nước

Đây là một rủi ro khá đặc thù của Công ty. Về mạng lưới đường ống cấp nước của Công ty, rủi ro lớn nhất là hư hỏng, rò rỉ đường ống dẫn làm thất thoát nước, ảnh hưởng đến việc nguồn nước sinh hoạt và sản xuất của khách hàng. Mạng lưới phân bố rộng khiến việc kiểm soát gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, trong năm vừa qua, ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều hoạt động nhằm hạn chế các rủi ro này như: tu sửa, nâng cấp đường ống, xây hàng rào và nhà bảo vệ cho các trạm bơm, trạm tăng áp.

Rủi ro khác

Mặc dù hoạt động chính là kinh doanh, nhưng với đặc thù ngành cấp nước thì hoạt động công ích cũng là mối quan tâm của Công ty. Do vậy, việc mang nước sạch đến cung cấp cho các địa bàn vùng sâu, vùng xa với chi phí cao, giá thành thấp ảnh hưởng một phần đến khả năng sinh lời của Công ty.

Với ngành nghề chính là cấp nước thì hoạt động công ích cũng là mối quan tâm của Công ty và là khía cạnh đặc thù của công ty. Do vậy, những năm qua Công ty vẫn triển khai hệ thống cấp nước đến các địa bàn vùng nông thôn, khu vực xa, ít dân cư sinh sống mặc dù chi phí cao nhưng giá bán thấp ảnh hưởng một phần đến khả năng sinh lời của Công ty.

Bên cạnh đó, các dự án cung cấp nước sạch đến các khu dân cư mới gặp nhiều rủi ro về chính sách, quy hoạch làm chi phí xây lắp tăng cao, tiến độ dự án chậm hoặc bị hủy.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- ☞ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ☞ Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- ☞ Tình hình tài chính



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH2013	KH 2014	TH 2014	% TH 2014/2013	% TH/KH
1	Sản lượng nước sản xuất	m3	17.494.336	18.260.000	14.219.267	77,87	77,87
2	Sản lượng ghi thu	"	16.077.694	16.800.000	13.129.961	78,16	78,15
3	Tỷ lệ thất nước thoát	%	8,10%	8,00%	7,66%	95,77	95,77
4	Tổng doanh thu	1000đ	126.491.006	129.797.242	137.187.801	105,69	105,58
5	Tổng chi phí	"	84.900.021	86.598.022	83.162.226	94,83	94,83
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	"	41.571.080	41.571.080	53.922.657	129,71	129,71
7	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	41.590.985	43.199.220	54.025.575	125,06	125,06
8	Lợi nhuận sau thuế	1000đ	31.153.414	32.047.969	42.104.309	131,38	131,38
9	Tỷ suất LNST/VĐL	%	62,31	64,1	84,21	131,38	131,38
10	Các khoản nộp ngân sách	1000đ	20.019.394	20.507.964	24.699.514	120,44	120,44
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	25	25	25	100,00	100,00

Từ tháng 6/2014, Công ty bàn giao lại hệ thống mạng lưới đường ống và khách hàng khu vực Long Thành về Công ty cổ phần Cấp Nước Đồng Nai quản lý, do đó sản lượng mua qua đồng hồ tổng giảm, chỉ đạt 40.38% so với kế hoạch. Riêng khu vực Nhơn Trạch sản xuất nước đạt 102.03% so với kế hoạch. Tổng kết cuối năm, chỉ tiêu sản lượng nước chưa đạt kế

hoạch đề ra, tuy nhiên doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng tốt so với năm trước đồng thời vượt kế hoạch. Các chỉ tiêu chi phí, thất thoát nước đều được quản lý tốt hơn so với dự kiến, thậm chí giảm so với năm trước. Với sự tăng trưởng lợi nhuận, năm qua tỷ suất sinh lời của công ty đã tiếp tục tăng trưởng thêm 31,38%, đạt con số 82,21%.



Công tác sản xuất và cung cấp nước

Các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2014	TH 2014	Tỷ lệ % so KH	Tỷ lệ % 2014/2013
Sản lượng nước sản xuất	1000m ³	18.260	14.219	77,87	81,28
Sản lượng nước tiêu thụ	1000m ³	16.800	13.129	78,15	81,67
Tỷ lệ nước thất thoát	%	8	7,66	-0,34	-0,44

Công ty thực hiện sản xuất nước 3 ca trong 24/7 để đảm bảo sẵn sàng nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất trong địa bàn. Chất lượng nước cung cấp cho khách hàng đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định. Công tác bảo trì sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị được thực hiện tốt, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, an toàn, nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ. Trong năm 2014, công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ được quan tâm thực hiện, không có sự cố nào xảy ra.

Công tác bảo trì, bảo dưỡng HTCN đồng hồ nước khách hàng

Công ty tổ chức kiểm tra HTCN khách hàng, mạng lưới cấp nước truyền tải và phân phối định kỳ mỗi tháng 2 lần, khắc phục và giải quyết nhanh các trường hợp đồng hồ hư, chạy không chính xác, kiểm tra xử lý van và các thiết bị trên mạng lưới cấp nước nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ nước thất thoát. Trong năm 2014 đã kiểm tra thực hiện bảo trì, sửa chữa các giếng trạm 1A, 1B và 1C. khắc phục kịp thời các sự cố xảy ra đảm bảo sản xuất an toàn.

Công tác phát triển khách hàng

Song song với việc đảm bảo chất lượng nước, bảo trì đường ống, kiểm tra thủy lượng kế cho khách hàng hiện tại, công tác phát triển khách hàng cũng được Công ty rất quan tâm. Tính đến 31/12/2014, tổng số khách hàng của Cấp nước Nhơn Trạch đạt 3.151, trong đó có 650 khách hàng mới phát triển trong năm, tập trung ở khu dân cư Đại Phước – Phú Hữu và KCN Nhơn Trạch.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng

- Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước các hẻm xã Đại Phước (02 hẻm): đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng trong tháng 02/2014 với giá trị thực hiện là 586.446.256 đồng, hiện đang cấp nước cho người dân trong hẻm.
- Công trình Xây dựng hàng rào, nhà bảo vệ trạm bơm tăng áp Long Thành đã thi công hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 25/03/2014 với giá trị thực hiện là 912.082.595 đồng. Bàn giao lại cho Công ty Cấp nước Đồng Nai vào tháng 6/2014.
- Công trình Xây dựng đường ống cấp nước các hẻm xã Phú Hữu (gồm 06 hẻm). Công trình đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng trong tháng 03/2014 với giá trị thực hiện là 793.045.864 đồng, hiện đang cấp nước ổn định cho các hộ dân trong hẻm.
- Công trình HTCN khu công nghiệp Nhơn Trạch công suất 2.800m³/ngày.đêm . Hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 01/04/2014 với giá trị thực hiện là 7.212.735.079 đồng, tăng khả năng cung cấp nước cho các doanh nghiệp trên địa bàn.
- Công trình cải tạo sân đường nội bộ Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 20/05/2014 với giá trị thực hiện là 748.297.114 đồng.
- Công trình xây dựng hàng rào trạm bơm Vĩnh Thanh đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 17/06/2014 với giá trị thực hiện là 312.165.324 đồng.
- Công trình cải tạo công nghệ các giếng khoan trạm bơm Đại Phước đã hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 24/10/2014 với giá trị thực hiện là 239.478.023 đồng.
- Công trình đấu nối tuyến ống cấp nước các hẻm xã Hiệp Phước (gồm 05 hẻm) đã hoàn thành công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng tháng 07/2014 với giá trị thực hiện là 1.716.075.722 đồng.
- Hạng mục công trình giếng khoan quan trắc nước dưới đất với tổng mức đầu tư là 488.985.853 đồng. Đã thi công hoàn thành, đang lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định.

Công trình, hạng mục công trình đang triển khai thực hiện

- Công trình xây dựng Trụ sở làm việc Công ty với tổng mức đầu tư là 21.308.961.387 đồng đã hoàn thiện hồ sơ thủ tục đấu thầu và lựa chọn nhà thầu thi công tuy nhiên chưa triển khai được do Công ty cổ phần đầu tư Vinatex Tân Tạo chưa nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định.
- Công trình trạm bơm tăng áp xã Phú Hữu (công suất 1.500m³/ngày.đêm) với tổng mức đầu tư 4.794.771.579 đồng, hiện đang hoàn tất hồ sơ tư vấn theo quy định.
- Công trình đầu tư nâng cấp, mở rộng trạm bơm cấp nước Đại Phước (công suất 2.500m³/ngày.đêm) với tổng mức đầu tư là 7.331.317.092 đồng, đang hoàn thiện hồ sơ theo quy định.
- Công trình Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước khu công nghiệp Nhơn Trạch (công suất 2.500m³/ngày.đêm) với tổng mức đầu tư là 5.049.962.055 đồng. Hiện đã thi công hoàn thành phần giếng khoan, đang triển khai thi công phần đường ống và công nghệ các giếng khoan.
- Công trình lắp đặt bơm tăng áp trạm bơm Đại Phước với tổng mức đầu tư là 444.430.790 đồng. Hoàn thành phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán và kế hoạch đấu thầu chuẩn bị thi công công trình nhằm tăng lưu lượng và áp lực phục vụ người dân trong thời gian tới.
- Công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm Miếu Chòm Dầu với tổng mức đầu tư là 952.363.378 đồng đã hoàn thành phê duyệt hồ sơ, đang chuẩn bị thi công.
- Công trình tuyến ống cấp nước D200 đường ĐT 769 xã Phú Hội đã hoàn thành lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, đang thẩm tra hồ sơ theo quy định.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2014	2013	% so với 2013
Tổng tài sản	179.674.508.432	149.832.320.234	119,92%
Doanh thu thuần	117.663.025.459	122.514.370.333	96,04%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	53.922.656.837	41.571.080.233	129,71%
Thu nhập khác	15.085.819.211	19.905.143	75.788,55%
Lợi nhuận trước thuế	54.025.575.113	41.590.985.376	129,90%
Lợi nhuận sau thuế	42.104.308.589	31.153.414.032	135,15%

Các chỉ tiêu tài chính tiêu biểu

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2013
Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,99	4,92
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6,50	4,54
Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	10,82%	12,98%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	12,14%	14,99%
Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,02	10,58
Vòng quay tài sản	Vòng	0,71	0,85
Chỉ tiêu khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	35,78%	25,43%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	26,28%	24,02%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	23,43%	20,79%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	45,83%	33,93%



Tài sản ngắn hạn của Công ty tăng thêm 36,78 tỷ trong năm nay, tương đương 37,08% tăng trưởng. Trong đó, đóng góp lớn nhất thuộc về các khoản tiền nhận rồi đang gửi ngân hàng hoặc tiền mặt để đáp ứng hoạt động của Công ty, khoản này đã tăng đến 77,98%. Tiếp đó là các khoản phải thu ngắn hạn tăng 63,20% và hàng tồn kho tăng 25,18%. Các khoản mục còn lại của Nợ ngắn hạn đều giảm tuy nhiên mức độ giảm không nhiều so với mức tăng. Khả năng thanh toán năm nay lại tăng trưởng tốt so với năm ngoái, đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản nợ của Công ty.

Cơ cấu nợ trong những năm qua của công ty được duy trì ổn định với dư nợ dài hạn bằng 0. Nợ ngắn hạn lại giảm nhẹ làm cho tổng nợ giảm ở mức 19,4 tỷ đồng. Các năm qua kết quả hoạt động

sản xuất kinh doanh của Công ty đều tốt, sau khi thực hiện các nghĩa vụ và chia cổ tức cho cổ đông, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 31/12/2014 vẫn còn 42,1 tỷ đồng, tăng 60% so với năm trước. Các quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính đều tăng do phân phối lợi nhuận hàng năm và Công ty chưa sử dụng các quỹ này. Nợ giảm, Tài sản tăng, Vốn chủ sở hữu tăng, vì vậy mà hệ số nợ giảm trong năm qua.

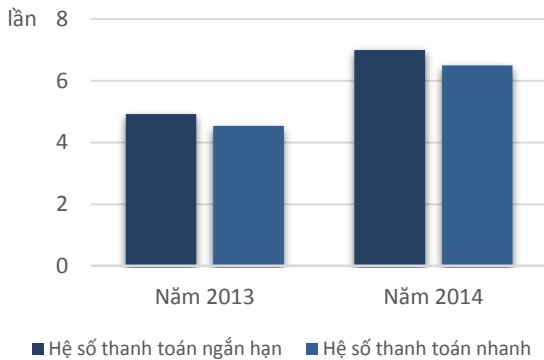
Năm qua giá vốn và các chi phí được quản lý tốt, ngoại trừ chi phí bán hàng tăng nhẹ 17% còn lại đều giảm. Riêng hàng tồn kho tăng do kế hoạch SXKD năm 2015 công ty sẽ tiến hành đầu tư mở rộng các hệ thống cấp nước lớn, vì vậy công ty đã và đang thực hiện nhập vật tư để chuẩn bị thi công. Nên làm vòng quay hàng tồn kho giảm đi 3,56 vòng. Tuy nhiên các

chỉ số sinh lời đều thể hiện sự tăng trưởng tốt trong năm qua. Vòng quay tài sản giảm do việc bàn giao hệ thống mạng lưới đường ống và khách hàng khu vực Long Thành về Công ty cổ phần Cấp Nước Đồng Nai quản lý làm cho doanh thu thuần giảm 3% so với năm 2013 và đạt 96,04% kế hoạch, ngoài ra còn có sự tăng trưởng về tài sản như đã đề cập ở trên.

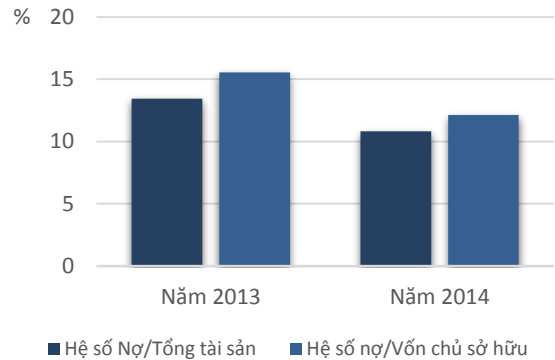
Việc thanh lý tài sản cố định đã tạo nên thu nhập đột biến cho năm 2014. Giá trị tài sản thanh lý đạt 15,08 tỷ đồng.

Có thể thấy rằng, năm qua mặc dù có một số biến động về thị trường, song với sự quản lý chặt chẽ về tài chính, năng động trong sản xuất kinh doanh mà Công ty vẫn duy trì sự tăng trưởng trong kết quả hoạt động và đảm bảo tình hình tài chính lành.

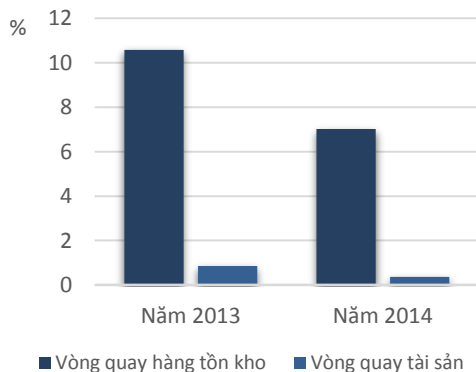
Chỉ tiêu khả năng thanh toán



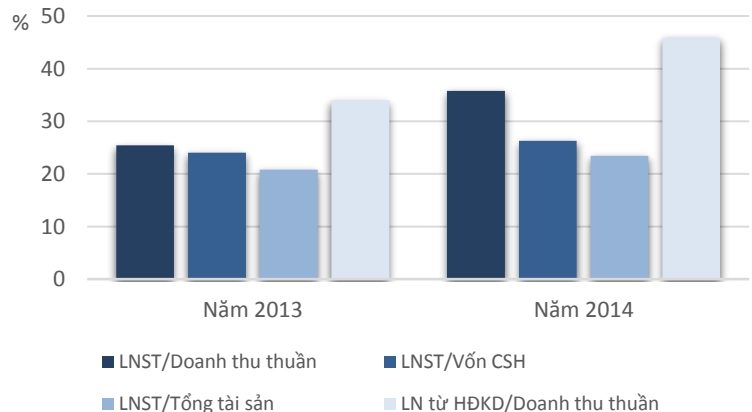
Chỉ tiêu cơ cấu vốn



Chỉ tiêu năng lực hoạt động



Chỉ tiêu khả năng sinh lời



BÁO CÁO

CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ☯ Đánh giá tình hình hoạt động trong năm 2014
- ☯ Tình hình tài chính
- ☯ Cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- ☯ Giải trình ý kiến kiểm toán
- ☯ Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2013	KH 2014	TH 2014	Tỷ lệ TH/KH	Tỷ lệ 2014/2013
Tổng doanh thu	126.491	129.797	137.188	105,69%	108,46%
Tổng chi phí	84.900	87.699	83.162	94,83%	97,95%
Lợi nhuận trước thuế	41.591	43.199	54.026	125,06%	129,90%
Lợi nhuận sau thuế	31.153	32.047	42.104	131,38%	135,15%

Về công tác sản xuất kinh doanh

Trong năm 2014, công ty đảm bảo cung cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của các khu dân cư và khu công nghiệp trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, với chất lượng nước cung cấp đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ y tế; công tác bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị và khắc phục sự cố kỹ thuật được thực hiện tốt đảm bảo cho sản xuất an toàn; công tác kiểm tra, bảo trì hệ thống cấp nước và đồng hồ nước khách hàng được công ty chú trọng giảm được tỷ lệ nước thất thoát. Kết thúc năm 2014, tất cả các chỉ tiêu hoạt động đều vượt kế hoạch đặt ra. Ngoại trừ khoản chi phí chỉ đạt 97,95% so với dự kiến, tất nhiên, điều này cho thấy công ty đã quản lý các chi phí hợp lý hơn so với tính toán ban đầu. Nhờ vậy mà lợi nhuận trước và sau thuế đã tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ. Kết thúc năm 2014, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 42,1 tỷ đồng, tăng 35,15% so với năm trước và vượt 31,38% kế hoạch.

Về thực hiện các dự án đầu tư

Công ty thực hiện đầu tư các dự án, công trình xây dựng theo đúng trình tự và thủ tục theo quy định.

Về tình hình Tài chính

Thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về Kế toán, tài chính, thực hiện bảo toàn và phát triển được vốn, đảm bảo hoạt động của công ty hiệu quả đi kèm với tình hình tài chính lành mạnh.

Tình hình thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác xã hội

Quy chế dân chủ ở công ty được phát huy, thu nhập đời sống người lao động được cải thiện; tư tưởng cán bộ công nhân viên ổn định an tâm công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; An ninh chính trị và trật tự an toàn trên địa bàn được giữ vững, các tổ chức đoàn thể hoạt động hiệu quả, công tác xã hội được công ty quan tâm thực hiện.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	%2014/2013
Tài sản	179.674.508.432	149.832.320.234	119,92%
Tài sản ngắn hạn	135.985.098.675	99.204.784.583	137,08%
Tài sản dài hạn	43.689.409.757	50.627.535.651	86,30%
Nguồn vốn	179.674.508.432	149.832.320.234	119,92%
Nợ ngắn hạn	19.444.731.120	20.156.908.111	96,47%
Nợ dài hạn	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	160.229.777.312	129.675.412.123	123,56%

Tình hình tài chính hiện nay được duy trì ổn định, lành mạnh. Với năng lực tài chính hiện tại, Công ty không phải sử dụng vốn vay để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư dự án. Cơ cấu nợ chỉ gồm nợ ngắn hạn phát sinh do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Tổng các khoản nợ có giá trị 19,4 tỷ đồng, trong khi đó chỉ riêng tài sản ngắn hạn đã gấp 7 lần các khoản nợ, do đó xét về rủi ro tài chính là rất thấp.

Ngoài ra Công ty không có các khoản nợ hoặc các khoản phải thu xấu, cần lập dự phòng.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua ngoài việc thực hiện các hoạt động quản trị công ty theo điều lệ và quy chế quản trị, Công ty đã ban hành Quy chế Công bố thông tin, đảm bảo các thông tin tiếp nhận và công bố đúng quy định về thời gian, nội dung và phương tiện thực hiện. Với tiêu chí hoạt động minh bạch, phát triển bền vững, Công ty luôn tôn trọng và tuân thủ quy định của pháp luật trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của mình.

GIẢI TRÌNH Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2014 của CTCP Cấp nước Nhơn Trạch, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Tỷ lệ % 2015/2014
1	Sản lượng nước sản xuất	m ³	14.219.267	11.896.045	83,66
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	13.129.961	10.944.362	83,35
3	Tổng Doanh thu	1.000đ	137.187.801	112.693.472	82,15
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	54.025.575	29.695.710	54,97
5	Lợi nhuận sau thuế	"	42.104.309	23.162.654	55,01
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	84,21	23,16	27,51
7	Các khoản nộp Ngân sách	1.000đ	24.699.514	11.750.624	47,57
8	Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến)	%	25	25	100,00

Phương hướng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015

- Vận động và tuyên truyền CB.CNV thực hiện tốt các qui định của công ty, các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước, triển khai cho CB.CNV thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “ Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” nâng cao về nhận thức và hiệu quả công việc.
- Phối hợp chặt chẽ với huyện đội, Công an khu công nghiệp Nhơn Trạch bảo vệ an ninh trật tự đảm bảo an toàn cho hoạt động SXKD của công ty.
- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất hợp lý, khai thác tối ưu nguồn lực hiện có, đảm bảo cung cấp nước an toàn cho sản xuất, sinh hoạt của các khu dân cư, Khu công nghiệp trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.
- Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước tại các Khu công nghiệp, Khu dân cư bằng nguồn vốn hiện có của công ty để tiếp nhận nguồn nước từ Dự án Cấp nước Nhơn Trạch (Công suất: 100.000 m³/ngày đêm), nhằm tăng khả năng cung cấp nước, mở rộng khách hàng, tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty.
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra bảo trì mạng lưới, hệ thống cấp nước và đồng hồ nước khách hàng hạn chế tỷ lệ thất thoát. Bảo dưỡng máy móc thiết bị thường kỳ, khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật đảm bảo sản xuất an toàn, ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015.
- Thực hiện các thủ tục về đất đai, xác định quyền sử dụng giao đất, thuê đất theo quy định.
- Tăng cường giám sát các dự án do công ty là chủ đầu tư và các dự án kết nối với hệ thống cấp nước tập trung của công ty nhằm đảm bảo an toàn về kỹ thuật, hạn chế tỷ lệ nước thất thoát, nâng cao chất lượng và hiệu quả về Kinh tế - Xã hội.
- Xây dựng bộ máy nhân sự tinh gọn, thực hiện đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực đạt chất lượng đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc.
- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo Tiêu chuẩn ISO: 9001-2008 và ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác sản xuất, quản lý và điều hành công ty.



Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015

Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị quản trị công ty phê duyệt:

- Công trình xây dựng nhà văn phòng Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch: Hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai để triển khai thi công công trình trong Quý I/2015.
- Nâng cấp, mở rộng trạm bơm cấp nước Đại Phước công suất 2.500m³/ngày.đêm: Hoàn thiện hồ sơ, phê duyệt và triển khai thi công theo quy định trong quý II/2015 nhằm đảm bảo chất lượng nước và lưu lượng phục vụ sản xuất và sinh hoạt người dân các xã Đại Phước, Phú Hữu và Phú Đông.
- Công trình trạm bơm tăng áp xã Phú Hữu Nhơn Trạch công suất 1.500m³/ngày.đêm: Tạm ngưng thực hiện do giá thành đầu tư cao, không hiệu quả.
- Công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Miếu Chòm Dầu: Hoàn thành thi công nghiệm thu đưa vào sử dụng nhằm cung cấp nước sạch phục vụ người dân trong hầm trên địa bàn xã Đại Phước.
- Công trình hệ thống cấp nước khu công nghiệp 2.500m³/ngày đêm: Hoàn thành thi công nghiệm thu đưa vào sử dụng trong quý III/2015 để cung cấp bổ sung nguồn nước cho các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.
- Công trình tuyến ống cấp nước D200 đường ĐT 769 xã Phú Hội: Hoàn thành phê duyệt hồ sơ và triển khai thi công trong quý II/2015 nhằm cung cấp nước sạch phục vụ người dân trên địa bàn xã Phú Hội và Phước Thiện.
- Hạ tầng công trình giếng khoan quan trắc nước dưới đất: Hoàn thành thi công nghiệm thu đưa vào sử dụng để đảm bảo việc quan trắc nước dưới đất theo quy định.

Công tác mở rộng mạng lưới cấp nước và khách hàng mới

- Đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước đường Lý Thái Tổ xã Phước Thiện trong quý II/2015: Cung cấp nước cho dân cư trên tuyến và khu vực xã Phước Thiện.
- Đầu tư xây dựng công trình xây dựng tuyến ống cấp nước đường Hùng Vương xã Phước An trong quý II/2015: Cung cấp nước cho dân cư dọc tuyến và khu vực xã Phước An.
- Đầu tư xây dựng công trình xây dựng tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Hữu Cảnh trong quý III/2015: Cung cấp nước cho dân cư trên tuyến, trong khu vực đồng thời đưa nước tới đường Hùng Vương xã Vĩnh Thanh và Phước An.
- Đầu tư xây dựng công trình xây dựng tuyến ống cấp nước đường Hùng Vương xã Vĩnh Thanh trong quý III/2015: Cung cấp nước cho dân cư dọc tuyến và khu vực xã Vĩnh Thanh.
- Đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước đường Lý Thái Tổ xã Long Tân trong quý III/2015: Cung cấp nước cho dân cư dọc tuyến và khu vực xã Long Tân.
- Đầu tư xây dựng dự án tuyến ống chuyển tải cấp nước DN400 đường Nguyễn Văn Cừ trong quý IV/2015: Cung cấp nước phục vụ các khu quy hoạch dân cư đã và đang hình thành trên địa bàn xã Phước An, Long Thọ.
- Đầu tư xây dựng dự án tuyến ống chuyển tải cấp nước đường Nguyễn Ái Quốc trong quý IV/2015: Cung cấp nước cho các KCN hiện hữu và các KCN, khu dân cư theo quy hoạch trong khu vực từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Hữu Cảnh.
- Đầu tư xây dựng công trình xây dựng tuyến ống cấp nước đường Hùng Vương xã Đại Phước trong quý IV/2015: Cung cấp nước cho dân cư xã Đại Phước, Phú Đông.
- Tiếp tục đầu tư mở rộng các mạng lưới cấp nước trên địa bàn các xã thuộc huyện Nhơn Trạch bằng nguồn vốn của Công ty và các nguồn vốn khác của khách hàng nhằm tăng hiệu quả của các nhà máy nước.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ☞ Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- ☞ Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- ☞ Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

STT	Các chỉ tiêu kế hoạch	ĐVT	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ % so KH
1	Sản lượng nước sản xuất	m3	18.260.000	14.219.267	77,87
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m3	16.800.000	13.129.961	78,15
3	Doanh thu	1.000đ	129.797.242	137.187.801	105,58
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	43.199.220	54.025.575	125,06
5	Lợi nhuận sau thuế	"	32.047.969	42.104.309	131,38
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	64,1	84,21	131,38
7	Các khoản nộp Ngân sách	1.000đ	20.507.964	24.699.514	120,44
8	Lao động	"	85	83	89,2

Năm qua nền kinh tế đã có những dấu hiệu về sự hồi phục khá tích cực khi lạm phát được kiểm soát tốt, GDP tăng 5,98% so với 2013, dự trữ ngoại hối tăng cao, tỷ giá được kiểm soát tốt,... Tuy nhiên, các vấn đề bất ổn chính trị và kinh tế trên thế giới, nợ xấu trong nước,... cũng đã gây ảnh hưởng đến kinh tế nước ta. Với Công ty, năm qua cũng là một năm hoạt động rất nỗ lực để đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra. Từ tháng 6/2014, Công ty bàn giao lại hệ thống mạng lưới đường ống và khách hàng khu vực Long Thành về Công ty TNHH 1TV Cấp Nước Đồng Nai

quản lý do đó sản lượng mua qua đồng hồ tổng giảm, chỉ đạt 40.38% so với kế hoạch. Riêng khu vực Nhơn Trạch sản xuất nước đạt 102.03% so với kế hoạch. Trong năm Hội đồng Quản trị đã cùng với Ban điều hành công ty, nỗ lực chỉ đạo, thực hiện khắc phục những khó khăn, hạn chế đảm bảo cung cấp nước An toàn cho sản xuất và sinh hoạt cho các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn huyện Long Thành và Nhơn Trạch, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã đề ra.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2014, Ban giám đốc công ty đã phối hợp chặt chẽ với các thành viên HĐQT, các cán bộ quản lý thực hiện quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hiệu quả bảo đảm theo đúng nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT công ty đã đề ra.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Duy trì các cuộc họp định kỳ của HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty, nâng cao chất lượng các cuộc họp, xây dựng chiến lược phát triển của công ty phù hợp với tình hình thực tế của công ty, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.
- Xây dựng kế hoạch, thực hiện đầu tư xây dựng mở rộng HTCN, mạng lưới cấp nước để cung cấp nước cho các KCN, khu dân cư, phát triển khách hàng sử dụng nước. Khai thác hợp lý nguồn nước hiện có và tiếp nhận có hiệu quả Hệ thống cấp nước của Dự án Nhà máy nước Nhơn Trạch (CS: 100.000 m³/ng.đêm) đưa vào sử dụng nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn ODA, bảo đảm cung cấp nước an toàn cho sản xuất và sinh hoạt của các khu dân cư, Khu công nghiệp trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.
- Tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ, phục vụ, ứng dụng các phần mềm quản lý nhằm nâng cao năng lực quản lý và điều hành đảm bảo mục tiêu nâng cao doanh thu và lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015 và các năm tiếp theo, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.
- Giám sát công ty thực hiện cung cấp thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo tính minh bạch, công khai theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tiếp tục lựa chọn công ty kiểm toán có năng lực thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 .
- Thực hiện phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu tăng vốn điều lệ công ty từ 50 tỷ lên 100 tỷ để sử dụng nguồn vốn này thực hiện đầu tư mở rộng HTCN, mạng lưới cấp nước cho các KCN, khu dân cư trên địa bàn đảm bảo giúp công ty thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao.
- Phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Ủy ban chứng khoán Nhà nước hoàn tất công tác phát hành tăng vốn điều lệ và lưu ký đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung theo quy định. Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cổ đông thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty trên sàn giao dịch UPCOM, tiến tới thực hiện giao dịch cổ phiếu công ty tại sàn giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX).
- Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư xây dựng công trình xây dựng Trụ sở làm việc công ty, trạm xử lý nước Đại phước (CS: 2.500m³/ng.đêm) và các công trình đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước trên địa bàn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 và Nghị quyết của HĐQT công ty đề ra.



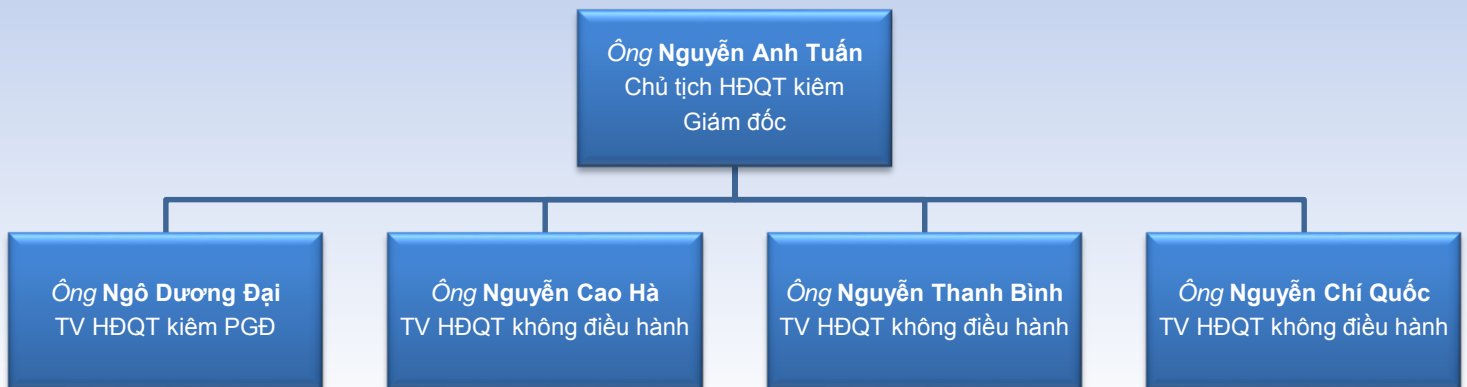
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- 🌀 Hội đồng quản trị
- 🌀 Ban Kiểm soát
- 🌀 Ban Giám đốc
- 🌀 Thay đổi trong HĐQT, BKS và BGD
- 🌀 Tình hình nhân sự



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT

Xem phần Lý lịch Ban Giám đốc

Ông Ngô Dương Đại - Thành viên HĐQT

Xem phần Lý lịch Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Bình

Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT
Số lượng cổ phiếu sở hữu	
- Cá nhân	0 cổ phần
- Đại diện phần vốn	191.233 cổ phần - tỷ lệ 3,825% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Chí Quốc

Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT
Số lượng cổ phiếu sở hữu	
- Cá nhân	0 cổ phần
- Đại diện phần vốn	0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Cao Hà

Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT
Số lượng cổ phiếu sở hữu	
- Cá nhân	0 cổ phần
- Đại diện phần vốn	500.000 cổ phần - tỷ lệ 10% vốn điều lệ

BAN KIỂM SOÁT



Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tấn Dũng

Chức vụ hiện tại Trưởng Ban Kiểm soát

Số lượng cổ phiếu sở hữu

- Cá nhân 0 cổ phần

- Đại diện phần vốn 500.000 cổ phần - tỷ lệ 10% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Viết Hưng

Chức vụ hiện tại Thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng cổ phiếu sở hữu

- Cá nhân 34.000 cổ phần - tỷ lệ 0.68% vốn điều lệ

- Đại diện phần vốn 0 cổ phần

Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm

Chức vụ hiện tại Thành viên Ban Kiểm Soát

Số lượng cổ phiếu sở hữu

- Cá nhân 83.300 cổ phần - tỷ lệ 1,66 vốn điều lệ

- Đại diện phần vốn 0 cổ phần



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Giám đốc

Năm sinh	1967
Nơi sinh	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cấp thoát nước
Quá trình công tác	
1968 - 1988	Công ty Xây dựng Lọc Hóa Dầu Long Thành - Đồng Nai
1988 - 1989	Công ty Dừa Long Thành - Đồng Nai
1989 - 1997	Công ty Khoan Cấp Nước Đồng Nai
1997 - nay	Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch - Đồng Nai
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Số lượng cổ phiếu sở hữu	
Cá nhân	30.000 cổ phần - tỷ lệ 0,6% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn	1.121.868 cổ phần - tỷ lệ 22,437% vốn điều lệ

Ông Ngô Dương Đại - Phó Giám đốc

Năm sinh	1979
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
2001 - 05/2012	Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, nay là Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai
06/2012 - nay	Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
Chức vụ hiện tại	Phó Giám đốc
Số lượng cổ phiếu sở hữu	
Cá nhân	0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn	500.000 cổ phần - tỷ lệ 10% vốn điều lệ

Ông Võ Quang Hồng - Phó Giám đốc

Năm sinh	1958
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đô thị
Quá trình công tác	
1978 - 2002	Xí nghiệp Nước Long Khánh – Đồng Nai
2002 - nay	Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, nay là Công ty cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch - Đồng Nai
Chức vụ hiện tại	Phó Giám đốc
Số lượng cổ phiếu sở hữu	
Cá nhân	4.666 cổ phần - tỷ lệ 0,093% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn	100.000 cổ phần - tỷ lệ 2% vốn điều lệ

Ông Trần Văn Thùy - Kế toán trưởng

Năm sinh	1979
Nơi sinh	Nam Định
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
2002 - nay	Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, nay là Công ty cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch - Đồng Nai
Chức vụ hiện tại	Kế toán trưởng
Số lượng cổ phiếu sở hữu	
Cá nhân	800 cổ phần - tỷ lệ 0,016% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn	0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Trong năm Công ty không có thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Cơ cấu nhân sự

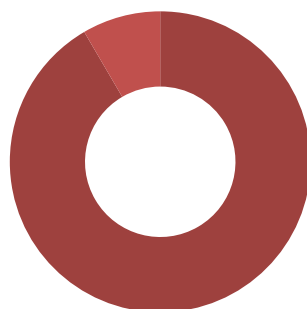
STT	Tính chất phân loại	Năm 2013	Tỷ trọng 2013	Năm 2014	Tỷ trọng 2014
I	Theo trình độ học vấn	84	100%	83	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	24	28,57%	25	30,12%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	10	11,90%	10	12,05%
3	Khác	50	59,52%	48	57,83%
II	Theo địa bàn công tác	84	100%	83	100%
1	Nhà máy nước Nhơn Trạch	74	88,10%	76	91,57%
2	Trạm Đại Phước	5	5,95%	7	8,43%
3	Trạm Long Thành	5	5,95%	0	0%
III	Theo trình độ lao động	84	100%	83	100%
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	34	40,48%	35	42,17%
2	Trình độ bậc thợ	50	59,52%	48	57,83%

Trình độ học vấn



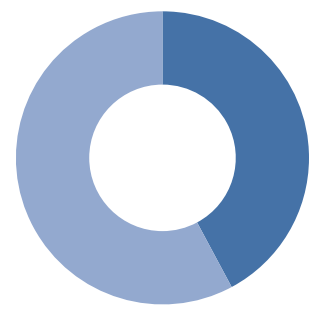
- Trình độ đại học, trên đại học
- Trình độ cao đẳng, trung cấp
- Khác

Địa bàn công tác



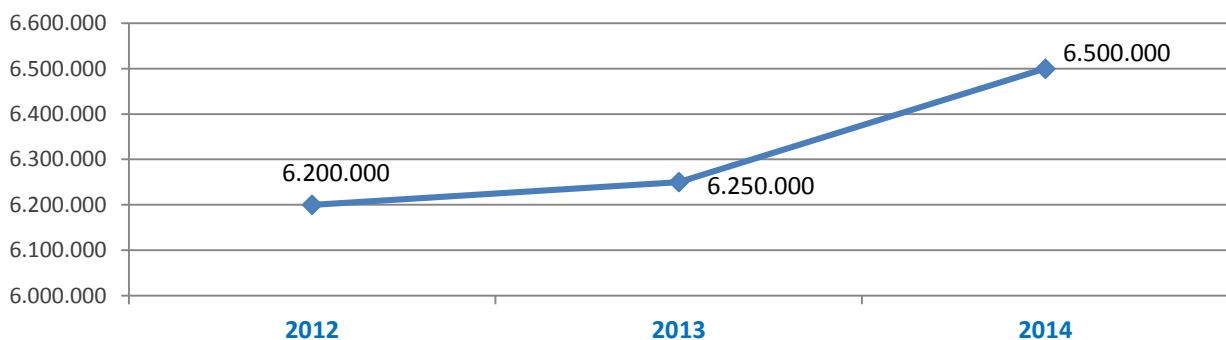
- Nhà máy nước Nhơn Trạch
- Trạm Đại Phước
- Trạm Long Thành

Trình độ lao động



- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ
- Trình độ bậc thợ

Mức lương bình quân (VNĐ/người/tháng)



CHÍNH SÁCH DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm qua không có sự biến động lớn về nhân sự, riêng các nhân viên làm việc tại Trạm Long Thành được chuyển giao cùng với Trạm Long Thành cho Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Đồng Nai (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai) từ tháng 06/2014.

Công tác đào tạo

Đào tạo nhân viên là vấn đề Ban lãnh đạo rất quan tâm. Nhân lực là yếu tố cốt lõi để phát triển một doanh nghiệp, do đó, nâng cao năng lực của mỗi nhân viên cũng chính là nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của Công ty. Chính vì vậy mà NTW luôn khuyến khích nhân viên tham gia các lớp đào tạo về nghiệp vụ liên quan đến công việc của mình. Ngoài ra, các hội thảo triển khai các văn bản pháp luật mới sẽ được Ban lãnh đạo phân công cán bộ tham dự và sẽ phổ biến lại cho khối nghiệp vụ liên quan.

Chính sách phúc lợi

Hầu hết cán bộ công nhân viên đều đã gắn bó với công ty qua nhiều năm. Để có được sự gắn kết này, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra chính sách phúc lợi rất rõ ràng, công tâm. Lương thường được trả theo thang bảng lương của Công ty đã ban hành, việc thanh toán lương thực hiện đúng thời hạn và sao cho thuận tiện cho người lao động nhất. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho CBCNV đảm bảo đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, theo truyền thống của Công ty, hằng năm các CBCNV sẽ được đi tham quan, nghỉ mát và các chương trình giao lưu nhân các ngày lễ trong năm.

Các quy định khác về như ngày nghỉ phép, nghỉ ốm, lễ tế, chế độ thai sản,... đều được thực thi và đảm bảo giải quyết nhanh chóng cho CBCNV.

Điều kiện và chế độ làm việc

Đảm bảo an toàn lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty trong hoạt động thường ngày của mình. Hằng năm Công ty đều đánh giá, kiểm tra điều kiện làm việc của nhân viên, đặc biệt là khối sản xuất, thi công nhằm đảm bảo các điều kiện về an toàn và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Sắp tới, Công trình xây dựng Trụ sở làm việc Công ty với Tổng mức đầu tư 21 tỷ đồng hoàn thành sẽ mang lại không gian làm việc hiện đại hơn cho CBCNV.







QUẢN TRỊ CÔNG TY



- ☞ Cổ phần, cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- ☞ Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- ☞ Hoạt động của Ban Kiểm soát
- ☞ Các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGD
- ☞ Thực hiện các quy định về quản trị Công ty



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU



Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 5.000.000 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 5.000.000 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 0

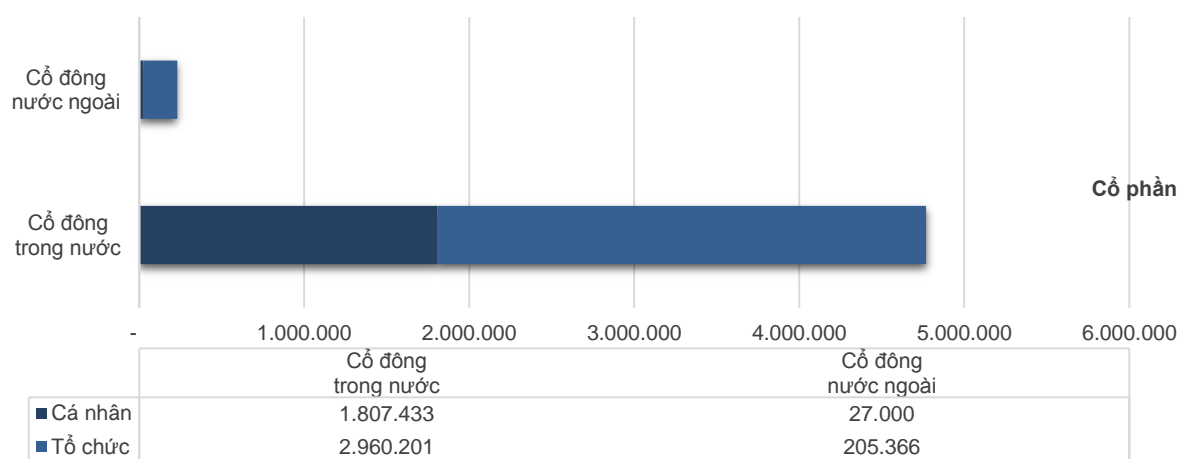
Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần tự do: 5.000.000

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I Cổ đông trong nước				
1	Cổ đông cá nhân	232	1.807.433	36,15%
2	Cổ đông tổ chức	5	2.960.201	59,20%
II Cổ đông nước ngoài				
1	Cổ đông cá nhân	2	205.366	4,11%
2	Cổ đông tổ chức	6	27.000	0,54%
Tổng cộng		245	5.000.000	100,00%



Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai (nay là Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai)	2.621.868	52,437%
Tổng cộng		2.621.868	52,437%

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Năm qua công ty không thực hiện bất kỳ đợt đợt tăng vốn nào làm thay đổi vốn chủ sở hữu. Tính đến 31/12/2014, vốn chủ sở hữu của công ty vẫn duy trì ở mức 50 tỷ đồng chẵn.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh

Chứng khoán khác

Không có



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Hiện nay, Công ty không thành lập Tiểu ban HĐQT.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã có 06 cuộc họp với sự tham dự của đầy đủ các thành viên.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	6	100%
2	Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT	6	100%
3	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	6	100%
4	Ông Nguyễn Chí Quốc	Thành viên HĐQT	6	100%
5	Ông Ngô Dương Đại	Thành viên HĐQT	6	100%

- Hội đồng quản trị đã tổ chức thực hiện hoàn thành tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 theo đúng quy định.
- Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên kiểm tra, giám sát ban điều hành Công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Cùng với Ban điều hành họp HĐQT định kỳ hàng quý để đánh giá, dự báo, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh từng trong quý để có biện pháp chỉ đạo kịp thời, xử lý những vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đúng quy định và điều lệ Công ty, giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển ổn định, có hiệu quả, cung cấp nước an toàn cho sản xuất, sinh hoạt của các khu dân cư, KCN trên địa bàn Công ty quản lý.
- Giám sát việc công bố thông tin đảm bảo tuân thủ đúng các qui định của pháp luật về việc công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Thực hiện chi trả cổ tức, tạm ứng cổ tức cho cổ đông theo đúng quy định của Điều lệ công ty và quy định của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Ủy Ban chứng Khoán Nhà nước, đảm bảo việc công ty thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách Nhà nước, đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động trong công ty theo đúng quy định.



Các Nghị quyết, Quyết định trong năm 2014

Các Nghị quyết của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết	Nội dung
1	01/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v: Thông qua kết quả SXKD năm 2013 và Phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2014.
2	02/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt nội dung Đại hội trình ĐHCĐ thường niên năm 2014.
3	03/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2014 và Phương hướng thực hiện nhiệm vụ 9 tháng cuối năm 2014.
4	04/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v Chi thường cho Ban Quản lý, Điều hành Công ty năm 2013.
5	05/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v Bàn giao tài sản của Công ty tại huyện Long Thành cho Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Đồng Nai.
6	06/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v Điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2014.
7	07/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v: Đánh giá tình hình thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm 2014 và Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2014.
8	08/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v: Áp dụng thang bảng lương đóng BHXH của Ban lãnh đạo, CB.CNV và người lao động trong nội bộ Công ty.
9	09/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v: Thống nhất thông qua Quy chế chi trả tiền lương, thưởng cho CB.CNV và người lao động trong nội bộ Công ty.
10	10/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v: Lựa chọn đơn vị thực hiện báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
11	11/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v: Thông qua tình hình thực hiện SXKD 9 tháng năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2014
12	12/2014/NQ-HĐQT-NTW	V/v: Thống nhất giá trị định giá loại TSCĐ tại huyện Long Thành và bàn giao cho Công ty TNHH 1TV Cấp nước Đồng Nai

Các Quyết định của HĐQT:

STT	Số Quyết định	Nội dung
1	01/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Ban hành Quy trình Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
2	02/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
3	03/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt Báo cáo KTKT công trình đấu nối tuyến ống cấp nước các hẻm xã Hiệp Phước.
4	04/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình đấu nối tuyến ống CN các hẻm xã Hiệp Phước.
5	05/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Dự án: Xây dựng hàng rào, nhà bảo vệ trạm bơm tăng áp Long Thành.
6	06/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Dự án: Cải tạo sửa chữa trạm bơm nước thô (trạm 1c).
7	07/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Dự án: Xây dựng hàng rào bảo vệ trạm bơm Cấp nước Đại Phước.
8	08/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Áp dụng giá cung cấp nước máy mới.
9	08A/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Dự án: Đấu nối đường ống cấp nước qua Phước lý.
10	08B/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: HTCN KCN Nhơn Trạch công suất 2500 m3.
11	08C/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình HTCN KCN Nhơn Trạch công suất 2500 m3/ngày.đêm.



12	09/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Dự án: Tuyến ống cấp nước từ đường 319B đến Hương lộ 19 xã Long Thọ.
13	10/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Nâng bậc lương Cán bộ Quản lý Công ty - Ông Nguyễn Anh Tuấn.
14	11/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Nâng bậc lương Cán bộ Quản lý Công ty - Ông Võ Quang Hồng.
15	11A/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Ban hành thang bảng lương đóng BHXH của Ban lãnh đạo và CB.CNV Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
16	12/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước hầm Miếu Chòm Dầu xã Đại Phước.
17	13/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước hầm Miếu Chòm Dầu xã Đại Phước.
18	14/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án cải tạo, sửa chữa đường nội bộ nhà máy nước Nhơn Trạch.
19	15/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trình lắp đặt bơm tăng áp trạm bơm Đại Phước.
20	16/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình cải tạo công nghệ các giếng khoan trạm bơm Đại Phước.
21	17/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án: Xây dựng tuyến ống cấp nước các hầm xã Phú Hữu.
22	18/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án: Xây dựng tuyến ống cấp nước các hầm xã Đại Phước.
23	19/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành xây dựng hàng rào trạm bơm cấp nước Vĩnh Thanh.
24	20/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Dự án: Lắp đặt tuyến ống cấp nước các hầm xã Hiệp Phước.
25	21/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Dự án: HTCN KCN Nhơn Trạch công suất 2800m ³ /ngày.đêm
26	22/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt KHĐT hạng mục công trình giếng khoan trác nước dưới đất.
27	23/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Phê duyệt KHĐT hạng mục công trình Cải tạo hệ thống châm hóa chất Trạm đường 2
28	24/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Xếp hạng Doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
29	25/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Xếp lương Cán bộ quản lý theo phân hạng Doanh nghiệp: Ông Nguyễn Anh Tuấn
30	26/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Xếp lương Cán bộ quản lý theo phân hạng Doanh nghiệp: Ông Võ Quang Hồng
31	27/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Xếp lương Cán bộ quản lý theo phân hạng Doanh nghiệp: Ông Ngô Dương Đại
32	28/2014/QĐ-HĐQT-NTW	V/v: Xếp lương Cán bộ quản lý theo phân hạng Doanh nghiệp: Ông Trần Văn Thùy



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Nội dung các cuộc họp nhằm triển khai công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính, kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động khác của công ty.

Với tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao phó, Ban kiểm soát cử người tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để giám sát phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm công ty hoạt động theo đúng nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên 2014 đề ra, phù hợp với mục tiêu của Công ty và các chính sách, chế độ quy định của nhà nước

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Giao dịch của HĐQT, BKS và BGD

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Mối quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Chí Quốc	Thành viên HĐQT	73.500	1,47%	0	0%	Bán
2	Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT	3.000	0,06%	0	0%	Bán

Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, BKS và BGD

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị				
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	54.000.000	687.406.000	110.000.000
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên	36.000.000	486.430.400	90.000.000
Ông Nguyễn Chí quốc	Thành viên	36.000.000		60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	36.000.000		60.000.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên	36.000.000		60.000.000
Ban kiểm soát				
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng ban	36.000.000		45.000.000
Ông Nguyễn Viết Hưng	Thành viên	18.000.000	341.315.300	20.000.000
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên	18.000.000		15.000.000
Ban Giám Đốc				
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc		Xem thông tin tại phần Chủ tịch HĐQT	
Ông Ngô Dương Đại	Phó Giám đốc		Xem thông tin tại phần Thành viên HĐQT	
Ông Võ Quang Hồng	Phó Giám đốc		487.439.018	40.000.000
Ông Trần Văn Thùy	Kế toán trưởng		418.585.000	25.000.000

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không phát sinh

Thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Các quy định về quản trị công ty được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định về công bố thông tin theo Thông tư 52/2012/TT-BTC, quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng theo Thông tư 121/2012/TT-BTC, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Số 022/2015/BCKT-AATHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014, từ trang 06 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho

**Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ Kiểm toán, Kế toán
và Tư vấn Thuế AAT tại Thành phố Hồ Chí Minh**



Trương Quang Trung - Giám đốc
Giấy Chứng nhận hành nghề kiểm toán
số: 1752-2013-141-1

Phạm Thị Anh Khoa - Kiểm toán viên
Giấy Chứng nhận hành nghề kiểm toán
số: 1521-2013-141-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.985.098.675	99.204.784.583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	75.544.687.814	42.446.263.274
1. Tiền	111		6.694.017.025	2.282.434.656
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.850.670.789	40.163.828.618
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	20.000.000.000	30.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.642.843.703	18.776.213.117
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	32.436.939.173	18.388.265.384
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	398.834.658	2.233.894.462
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	122.567.098	456.237.051
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2.315.497.226)	(2.302.183.780)
IV. Hàng tồn kho	140		9.586.654.158	7.658.555.192
1. Hàng tồn kho	141	V.7	9.586.654.158	7.658.555.192
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		210.913.000	323.753.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	210.913.000	323.753.000



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.689.409.757	50.627.535.651
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		43.689.409.757	50.627.535.651
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	40.013.077.425	49.541.076.373
<i>Nguyên giá</i>	222		108.352.613.010	119.223.122.832
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(68.339.535.585)	(69.682.046.459)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	32.500.000	-
<i>Nguyên giá</i>	228		45.000.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.500.000)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3.643.832.332	1.086.459.278
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		179.674.508.432	149.832.320.234



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		19.444.731.120	20.156.908.111
I. Nợ ngắn hạn	310		19.444.731.120	20.156.908.111
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.12	2.727.548.023	3.650.890.064
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	125.993.845	168.929.807
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1.610.483.289	3.917.047.584
5. Phải trả người lao động	315	V.15	5.012.173.496	4.488.103.909
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	287.753.314	518.498.633
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	9.680.779.153	7.413.438.114
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.229.777.312	129.675.412.123
I. Vốn chủ sở hữu	410		160.229.777.312	129.675.412.123
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	6.043.138.411	6.043.138.411
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.18	57.082.330.312	43.130.106.967
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.18	5.000.000.000	4.348.752.713
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.18	42.104.308.589	26.153.414.032
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		179.674.508.432	149.832.320.234



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Đặng Thị Thu Hằng
Người lập biểu



Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2014

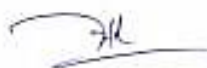


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	117.674.983.470	122.535.796.991
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	11.958.011	21.426.658
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	117.663.025.459	122.514.370.333
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	60.490.749.509	76.645.560.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.172.275.950	45.868.809.928
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.438.955.977	3.956.731.033
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		289.277.952	245.248.232
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	7.399.297.138	8.009.212.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.922.656.837	41.571.080.233
11. Thu nhập khác	31	VI.5	15.085.819.211	19.905.143
12. Chi phí khác	32	VI.6	14.982.900.935	-
13. Lợi nhuận khác	40		102.918.276	19.905.143
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.025.575.113	41.590.985.376
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	11.921.266.524	10.437.571.344
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>42.104.308.589</u>	<u>31.153.414.032</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>8.421</u>	<u>6.231</u>



Đặng Thị Thu Hằng
Người lập biểu



Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

Đóng dấu, ngày 31 tháng 12 năm 2014



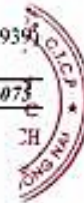
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.025.575.113	41.590.985.376
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	7.466.749.745	11.145.532.647
- Các khoản dự phòng	03	V.6	13.313.446	712.400.428
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		14.392.846.138	(3.185.483.940)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		75.898.484.442	50.263.434.511
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.619.881.810)	(3.166.881.566)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.928.098.966)	(832.031.881)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.479.214.677)	(2.860.887.819)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.14	(14.296.169.377)	(9.050.853.231)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(908.002.861)	(3.949.253.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.667.116.751	30.403.526.075
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10	(19.296.554.112)	(5.668.096.633)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.227.861.901	1.482.655.664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.068.692.211)	(32.185.440.969)



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18	(7.500.000.000)	(15.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(7.500.000.000)</u>	<u>(15.000.000.000)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		33.098.424.540	(16.781.914.894)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.446.263.274	59.228.178.168
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>75.544.687.814</u>	<u>42.446.263.274</u>



 Đặng Thị Thu Hằng
 Người lập biểu



 Trần Văn Thùy
 Kế toán trưởng

Đồng lập, ngày 31 tháng 12 năm 2014


 Nguyễn Anh Tuấn
 Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Xi nghiệp nước Nhơn Trạch thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600977120 ngày 14 tháng 02 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 05 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mã số thuế : 3 6 0 0 9 7 7 1 2 0

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất năm khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

7. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.



- 8. Cổ tức**
Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.
- 9. Thuế thu nhập doanh nghiệp**
Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.
Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.
Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.
- 10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**
Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.
- 11. Hợp đồng xây dựng**
Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
 - Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:
- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
 - Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.
- Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.
- 12. Bên liên quan**
Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.
Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	21.521.529	74.102.166
Tiền gửi ngân hàng	6.672.495.496	2.208.332.490
Các khoản tương đương tiền (*)	68.850.670.789	40.163.828.618
Cộng	<u>75.544.687.814</u>	<u>42.446.263.274</u>

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch.

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản cho vay ngắn hạn kỳ hạn 03 tháng cho các Công ty:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	-	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>20.000.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

Là các khoản phải thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng cấp nước (*)	9.843.275.142	11.411.250.094
Khách hàng xây lắp (**)	5.980.118.433	6.977.015.290
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai (***)	16.613.545.598	-
Cộng	<u>32.436.939.173</u>	<u>18.388.265.384</u>

(*) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chuẩn thu tiền nước tháng 12/2014	9.815.090.991	11.380.296.012
Tồn thu hóa đơn tiền nước các tháng trước	28.184.151	30.954.082
Cộng	<u>9.843.275.142</u>	<u>11.411.250.094</u>

(**) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án huyện Nhơn Trạch	2.616.887.008	3.848.587.504
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	2.271.119.074
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đại Phước	341.982.600	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	98.651.583	633.055.937
Các khách hàng khác	651.478.168	224.252.775
Cộng	<u>5.980.118.433</u>	<u>6.977.015.290</u>

(***) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bán tài sản cố định	16.466.323.376	-
Phải thu lãi tiền vay	147.222.222	-
Cộng	<u>16.613.545.598</u>	<u>-</u>



4. Trả trước cho người bán

Là khoản trả trước cho nhà cung cấp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng Anh Ngón	177.111.000	98.395.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thanh Ngọc	84.722.736	-
Công ty Cổ phần Ngọc Tích Đồng Nai	68.740.000	68.740.000
Trung tâm Địa chính nhà đất tỉnh Đồng Nai	42.260.922	42.260.922
Các nhà cung cấp khác	203.111.000	2.122.893.540
Cộng	398.834.658	2.233.894.462

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	82.260.000	-
Bảo hiểm xã hội	34.207.534	-
Bảo hiểm y tế	3.649.061	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.450.503	-
Lãi vay phải thu	-	325.000.000
Phải thu khác	-	131.237.051
Cộng	122.567.098	456.237.051

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.302.183.780	1.589.783.352
Trích lập dự phòng	13.313.446	712.400.428
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm (*)	2.315.497.226	2.302.183.780

(*) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074
Lê Văn Tùng	44.378.152
Cộng	2.315.497.226

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.224.689.546	7.658.555.192
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	361.964.612	-
Cộng	9.586.654.158	7.658.555.192

8. Tài sản ngắn hạn khác

Là tạm ứng của công nhân viên, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyễn Đế Nghiêu	52.913.000	52.913.000
Trần Thanh Đăng	44.000.000	44.000.000
Các đối tượng khác	114.000.000	226.840.000
Cộng	210.913.000	323.753.000



9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền điện	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.495.585.086	17.627.431.669	81.852.214.977	247.891.100	119.223.122.832
Tăng trong năm	4.547.325.165	2.754.896.690	9.391.959.203	-	16.694.181.058
Mua sắm mới	-	993.981.600	-	-	993.981.600
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	4.547.325.165	1.760.915.090	9.391.959.203	-	15.700.199.458
Giảm trong năm	(982.830.336)	(305.162.459)	(26.276.698.085)	-	(27.564.690.880)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(982.830.336)	(305.162.459)	(26.276.698.085)	-	(27.564.690.880)
Số cuối năm	23.060.079.915	20.077.165.900	64.967.476.095	247.891.100	108.352.613.010
Trong đó:					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	8.685.173.404	8.436.712.255	14.541.801.511	130.000.009	31.793.687.179
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.851.071.504	11.866.753.804	44.739.741.162	224.479.989	69.682.046.459
Tăng trong năm	2.552.715.908	1.852.516.752	6.717.070.751	10.033.332	11.132.336.743
<i>Khấu hao trong năm</i>	2.552.715.908	1.852.516.752	6.717.070.751	10.033.332	11.132.336.743
Giảm trong năm	(153.664.340)	(150.614.557)	(12.170.568.720)	-	(12.474.847.617)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(153.664.340)	(150.614.557)	(12.170.568.720)	-	(12.474.847.617)
Số cuối năm	15.250.123.072	13.568.655.999	39.286.243.193	234.513.321	68.339.535.585
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.644.513.582	5.760.677.865	37.112.473.815	23.411.111	49.541.076.373
Số cuối năm	7.809.956.843	6.508.509.901	25.681.232.902	13.377.779	40.013.077.425

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm kế toán.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	45.000.000	(12.500.000)	
Giảm trong năm	-	-	
Số cuối năm	45.000.000	(12.500.000)	32.500.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Hệ thống cấp nước Khu công nghiệp Nhơn Trạch công suất 2.500m ³ /ngày	1.728.593.923	107.769.252
Công trình Xây mới Văn phòng làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.219.464.158	631.701.455
Các công trình khác	695.774.251	346.988.571
Cộng	3.643.832.332	1.086.459.278



12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh nghiệp tư nhân Anh Tuấn	2.367.471.563	-
Công ty TNHH Việt Long	191.476.948	-
Công ty TNHH Long Trạch	45.020.606	350.735.897
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	12.350.000	1.823.570.070
Các nhà cung cấp khác	111.228.906	1.476.584.097
Cộng	<u>2.727.548.023</u>	<u>3.650.890.064</u>

13. Người mua trả tiền trước

Là các khoản khách hàng ứng trước từ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng cấp nước	14.689.970	1.726
Khách hàng xây lắp (*)	111.303.875	168.928.081
Cộng	<u>125.993.845</u>	<u>168.929.807</u>

(*) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ý Mỹ	73.254.004	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa	38.049.300	38.049.300
Các khách hàng khác	571	130.878.781
Cộng	<u>111.303.875</u>	<u>168.928.081</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	370.115.176	1.387.888.806	(1.356.359.620)	401.644.362
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.180.427.890	11.921.266.524	(14.296.169.377)	805.525.037
Thuế thu nhập cá nhân	172.264.850	812.374.261	(963.209.421)	21.429.690
Thuế tài nguyên	194.239.668	2.897.379.364	(2.810.941.392)	280.677.640
Các loại thuế, phí khác	-	1.446.420.040	(1.345.213.480)	101.206.560
Cộng	<u>3.917.047.584</u>	<u>18.465.328.995</u>	<u>(20.771.893.290)</u>	<u>1.610.483.289</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0%, 5%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.025.575.113	41.590.985.376
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	162.000.000	159.300.000
- <i>Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành</i>	162.000.000	159.300.000
Thu nhập tính thuế	54.187.575.113	41.750.285.376
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>11.921.266.524</u>	<u>10.437.571.344</u>



Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lương tháng 12	616.812.800	412.988.200
Lương bổ sung	2.183.187.200	2.042.480.915
Quỹ lương dự phòng 17%	2.212.173.496	2.032.634.794
Cộng	<u>5.012.173.496</u>	<u>4.488.103.909</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	-	26.625.815
Bảo hiểm y tế	-	3.615.432
Thương phải trả ban quản lý điều hành	3.592.293	28.990.293
Phải trả cổ tức	103.338.000	358.785.850
Phí môi trường	1.250.152	42.485.838
Phải trả phải nộp khác	179.572.869	57.995.405
Cộng	<u>287.753.314</u>	<u>518.498.633</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	4.163.454.765	1.557.670.700	(72.950.000)	5.648.175.465
Quỹ phúc lợi	3.249.983.349	1.617.673.200	(835.052.861)	4.032.603.688
Cộng	<u>7.413.438.114</u>	<u>3.175.343.900</u>	<u>(908.002.861)</u>	<u>9.680.779.153</u>



18. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	6.043.138.411	28.219.428.276	2.829.808.890	30.378.876.453	117.471.252.030
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	31.153.414.032	31.153.414.032
Trích quỹ theo biên bản ĐHCD	-	-	14.910.678.691	1.518.943.823	(16.429.622.514)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo biên bản ĐHCD	-	-	-	-	(3.078.147.146)	(3.078.147.146)
Trích quỹ khen thưởng cho Ban điều hành và Quản lý	-	-	-	-	(871.106.793)	(871.106.793)
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Chia cổ tức đợt 1/2013	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	6.043.138.411	43.130.106.967	4.348.752.713	26.153.414.032	129.675.412.123
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	6.043.138.411	43.130.106.967	4.348.752.713	26.153.414.032	129.675.412.123
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	42.104.308.589	42.104.308.589
Trích quỹ theo biên bản ĐHCD	-	-	13.952.223.345	651.247.287	(14.603.470.632)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo biên bản ĐHCD	-	-	-	-	(3.115.341.400)	(3.115.341.400)
Trích quỹ khen thưởng cho Ban điều hành và Quản lý	-	-	-	-	(934.602.000)	(934.602.000)
Chia cổ tức đợt 2/2013	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	6.043.138.411	57.082.330.312	5.000.000.000	42.104.308.589	160.229.777.312

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	26.218.680.000	26.218.680.000
Vốn góp của các cổ đông khác	23.781.320.000	23.781.320.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	7.500.000.000	10.000.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	5.000.000.000
Cộng	7.500.000.000	15.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

	<u>Năm nay</u>
Lãi vay chưa thu được bằng tiền	147.222.222
Thanh lý tài sản cố định chưa thu được bằng tiền	16.466.323.376

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	117.674.983.470	122.535.796.991
- Doanh thu hoạt động cấp nước	111.302.162.700	116.048.088.261
- Doanh thu hoạt động xây lắp	6.372.820.770	6.487.708.730
Các khoản giảm trừ doanh thu:	11.958.011	21.426.658
- Hàng bán bị trả lại	11.958.011	21.426.658
Doanh thu thuần	117.663.025.459	122.514.370.333
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động cấp nước	111.302.162.700	116.048.088.261
- Doanh thu hoạt động xây lắp	6.360.862.759	6.466.282.072

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động cấp nước (*)	54.443.397.992	71.491.810.839
Giá vốn hoạt động xây lắp (**)	6.047.351.517	5.153.749.566
Cộng	60.490.749.509	76.645.560.405

() Giá vốn hoạt động cấp nước:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	19.799.191.100	41.439.733.983
Chi nhân công trực tiếp	9.403.147.971	7.806.002.528
Chi phí sản xuất chung	25.241.058.921	22.246.074.328
Giá vốn hoạt động cấp nước	54.443.397.992	71.491.810.839

*(**) Giá vốn hoạt động xây lắp:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	3.374.716.646	3.753.938.368
Chi nhân công trực tiếp	3.034.599.483	996.597.196
Chi phí sản xuất chung	-	403.214.002
Tổng chi phí sản xuất	6.409.316.129	5.153.749.566
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(361.964.612)	-
Giá vốn của hoạt động xây lắp	6.047.351.517	5.153.749.566



3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	63.871.854	149.075.369
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.459.111.901	2.707.655.664
Lãi cho vay Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây lắp Cấp nước Đồng Nai	531.250.000	-
Lãi Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai vay	1.384.722.222	1.100.000.000
Cộng	<u>4.438.955.977</u>	<u>3.956.731.033</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.194.137.491	5.598.512.029
Chi phí đồ dùng văn phòng	246.968.482	265.715.964
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.533.332	211.948.196
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	36.457.000
Chi phí dự phòng	13.313.446	712.400.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.814.300	585.639.724
Chi phí bằng tiền khác	477.530.087	598.539.155
Cộng	<u>7.399.297.138</u>	<u>8.009.212.496</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý TSCĐ	14.969.384.887	-
Thu nhập khác	116.434.324	19.905.143
Cộng	<u>15.085.819.211</u>	<u>19.905.143</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý TSCĐ	14.952.699.303	-
Chi phí khác	30.201.632	-
Cộng	<u>14.982.900.935</u>	<u>-</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.104.308.589	31.153.414.032
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	42.104.308.589	31.153.414.032
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>8.421</u>	<u>6.231</u>



8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.899.553.794	46.203.186.796
Chi phí nhân công	18.631.884.945	15.096.961.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.144.836.743	11.145.532.647
Chi phí dự phòng	13.313.446	712.400.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.637.738.199	8.287.454.225
Chi phí khác	6.213.962.084	3.454.485.471
Cộng	68.541.289.211	84.900.021.133

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	198.000.000	190.500.000
Thù lao Ban Kiểm soát	72.000.000	69.300.000
Lương Ban Giám đốc	1.975.668.477	1.651.689.419
Cộng	2.245.668.477	1.911.489.419

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai		
Mua nước sạch	17.809.221.100	40.095.245.400
Cho vay	-	20.000.000.000
Lãi cho vay	1.384.722.222	1.100.000.000
Trả cổ tức	3.932.802.000	7.865.604.000
Bán tài sản cố định	16.466.323.376	-
Bảo lãnh thực hiện HĐ đi đời ống D400 đường 319	82.260.000	-



Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
Cho vay	-	10.000.000.000
Thu tiền vay	10.000.000.000	-
Lãi cho vay	531.250.000	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai		
Phải thu tiền cho vay	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu tiền lãi vay	147.222.222	325.000.000
Phải thu từ bán tài sản cố định	16.466.323.376	-
Phải thu khác	82.260.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
Phải thu tiền cho vay	-	10.000.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>36.695.805.598</u>	<u>30.325.000.000</u>
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai		
Phải trả tiền mua nước	12.350.000	1.823.570.070
Cộng nợ phải trả	<u>12.350.000</u>	<u>1.823.570.070</u>

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.544.687.814	42.446.263.274	75.544.687.814	42.446.263.274
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	30.000.000.000	20.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu khách hàng	32.436.939.173	18.388.265.384	30.121.441.947	16.086.081.604
Tài sản tài chính khác	122.567.098	456.237.051	122.567.098	456.237.051
Cộng	<u>128.104.194.085</u>	<u>91.290.765.709</u>	<u>125.788.696.859</u>	<u>88.988.581.929</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.727.548.023	3.650.890.064	2.727.548.023	3.650.890.064
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.610.483.289	3.917.047.584	1.610.483.289	3.917.047.584
Phải trả người lao động	5.012.173.496	4.488.103.909	5.012.173.496	4.488.103.909
Các khoản phải trả khác	9.968.532.467	7.931.936.747	9.968.532.467	7.931.936.747
Cộng	<u>19.318.737.275</u>	<u>19.987.978.304</u>	<u>19.318.737.275</u>	<u>19.987.978.304</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.



- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh toán. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh toán thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	2.727.548.023	-	2.727.548.023
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.610.483.289	-	1.610.483.289
Phải trả người lao động	5.012.173.496	-	5.012.173.496
Các khoản phải trả khác	9.968.532.467	-	9.968.532.467
Cộng	19.318.737.275	-	19.318.737.275
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	3.650.890.064	-	3.650.890.064
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.917.047.584	-	3.917.047.584
Phải trả người lao động	4.488.103.909	-	4.488.103.909
Các khoản phải trả khác	7.931.936.747	-	7.931.936.747
Cộng	19.987.978.304	-	19.987.978.304

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.


Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Đông Thành, ngày 31 tháng 12 năm 2014



Đặng Thị Thu Hằng
 Người lập biểu



Trần Văn Thùy
 Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn
 Giám đốc



Toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ năm 2014 và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2014 được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ Cổ đông trên website của công ty:

<http://ntw.com.vn/quan-he-co-dong.htm>



CTCP CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Nhơn Trạch, ngày 14 tháng 04 năm 2015
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH TUẤN

